

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/DS-ST
Ngày: 04/6/2021.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hùng Minh Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Đức Chung.
2. Ông Phạm Văn Huynh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nhật Lệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 290/2020/TLST- DS ngày 10 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST - DS ngày 26 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 351/2021/QĐST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP SGTT.

Địa chỉ: NKKN, phường A, quận B, Thành phố HCM.

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Anh Nguyễn Ngọc Q – Nhân viên.

Địa chỉ: NKKN, phường A, quận B, Thành phố HCM.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Q, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: tổ 12, khu KS, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh ĐN.

(nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 6 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc Quốc trình bày:

Ngày 27/7/2017, giữa Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần SGT-T và chị Trần Thị Q có ký kết “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng” (gọi tắt là hợp đồng), căn cứ vào mức thu nhập của chị Q Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức 7.000.000đồng (bảy triệu đồng), mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,5%/tháng (lãi suất trong hạn). Sau khi được cấp thẻ tín dụng, chị Q thực hiện các giao dịch cá nhân với tổng số tiền 67.660.000đồng (sáu mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng). Trong quá trình sử dụng thẻ từ khi kích hoạt đến nay, chị Q đã thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền 70.157.046đồng (bảy mươi triệu một trăm năm mươi bảy ngàn không trăm bốn mươi sáu đồng). Thử tự thanh toán căn cứ vào Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, số tiền thanh toán sẽ được ưu tiên trừ vào các khoản phí, lãi trước, sau đó sẽ trừ tiếp vào các khoản giao dịch.

Như vậy, dư nợ đến ngày 22/6/2018 được tính như sau:

- Số tiền giao dịch: 67.660.000đồng.
- Số tiền đã thanh toán: 70.157.046đồng.
- Tổng các khoản phí: 2.872.563đồng.
- Tổng tiền lãi: 7.827.283đồng
- Dư nợ ngày 22/6/2018: $67.660.000\text{đồng} - (70.157.046\text{đồng} - 2.872.563\text{đồng} - 7.827.283\text{đồng}) = 59.457.200\text{đồng} = 8.202.800\text{đồng}$.

Nhiều lần Ngân hàng nhắc nhở, làm việc nhưng chị Q vẫn không thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận của Hợp đồng. Chị Q đã vi phạm thời hạn 90 ngày không thanh toán (đã vi phạm Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngày 23/6/2018, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ của chị Q còn thiếu tại thời điểm ngày 23/6/2018 là 8.202.800đồng (nợ gốc), áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 3,75%/tháng trên số dư nợ gốc.

Nay Ngân hàng yêu cầu chị Q phải thanh toán số tiền còn nợ, tính đến ngày 04/6/2021 như sau:

Nợ gốc: 8,202,800đồng.

Lãi quá hạn: 11,053,812đồng. Cụ thể: nợ quá hạn 01 ngày = $(8,202,800 \times 3.75\%) / 30 = 10,254\text{đồng}$. Số ngày nợ quá hạn: 1078 ngày (từ ngày 23/6/2018 đến ngày 04/6/2021); $10,254\text{đồng} \times 1.078\text{ ngày} = 11,053.812\text{đồng}$.

Tổng cộng: 19.256.612đồng.

Bị đơn chị Trần Thị Q đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa không có lý do vì vậy không có lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tổ tụng theo đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ được thực hiện đầy đủ, khách quan, thời hạn tổ tụng được bảo đảm, các quyết định được tổng đạt hợp lệ, phiên tòa được thực hiện dân chủ, bình đẳng. Người tham gia tổ tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tổ tụng, chấp hành tốt pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản nợ phải thanh toán. Buộc chị Trần Thị Q phải thanh toán Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần SGTT số nợ theo yêu cầu 19.256.612 đồng.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thẩm quyền: Tranh chấp phát sinh giữa Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần SGTT và chị Trần Thị Q là tranh chấp hợp đồng tín dụng, đây là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tổ tụng dân sự và tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tổ tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tổ tụng:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý số 417/2020/TB-TLVA ngày 13/11/2020 và giấy triệu tập làm việc, hình thức niêm yết ngày 15/12/2020. Qua xác minh tại địa phương thể hiện tại biên bản xác minh ngày 15/12/2020, hiện chị Q đang sinh sống tại địa chỉ tổ 12, khu KS, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh ĐN. Tòa án ra Thông báo số 08/TB-TA ngày 11/01/2021, tổng đạt hợp lệ cho chị Q ngày 12/01/2021, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải ngày 29/01/2021, chị Q vắng mặt. Tòa án ra Thông báo hoãn phiên họp số 52/TB-TA ngày 29/01/2021, tổng đạt hợp lệ ngày 29/01/2021. Ngày 16/02/2021, Tòa án tiến hành thủ tục Công khai chứng cứ, không tiến hành hoà giải. Ra thông báo kết quả công khai chứng cứ và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST-DS ngày 26/4/2021, tổng đạt hợp lệ cho chị Q ngày 29/4/2021. Ngày 18/5/2021, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án, chị Q vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử ra Quyết định số 351/2021/QĐST-DS ngày 18/5/2021 quyết định hoãn phiên tòa, tổng đạt hợp lệ cho chị Q ngày 19/5/2021 (Tổng đạt trực tiếp). Tại phiên tòa công khai hôm nay, chị Q vắng mặt không rõ lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tổ tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Q.

[3]. Về nội dung vụ án: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 27/7/2017, Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng” (gọi tắt là hợp đồng), được ký kết giữa Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần SGTТ và chị Trần Thị Q, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng với hạn mức 7.000.000đồng (bảy triệu đồng), mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,5%/tháng (lãi suất trong hạn). Sau khi được cấp thẻ tín dụng, chị Q thực hiện các giao dịch cá nhân với tổng số tiền 67.660.000đồng (sáu mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng). Trong quá trình sử dụng thẻ từ khi kích hoạt đến nay, chị Q đã thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền 70.157.046đồng (bảy mươi triệu một trăm năm mươi bảy ngàn không trăm bốn mươi sáu đồng).

Thứ tự thanh toán căn cứ vào Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, số tiền thanh toán sẽ được ưu tiên trừ vào các khoản phí, lãi trước, sau đó sẽ trừ tiếp vào các khoản giao dịch.

Dư nợ đến ngày 22/6/2018 được tín như sau:

- Số tiền giao dịch: 67.660.000đồng.
- Số tiền đã thanh toán: 70.157.046đồng.
- Tổng các khoản phí: 2.872.563đồng.
- Tổng tiền lãi: 7.827.283đồng.
- Dư nợ: 8.202.800đồng (tám triệu hai trăm lẻ hai ngàn tám trăm đồng).

Ngân hàng đã thông báo về việc thanh toán nợ cho chị Q vào các ngày 27/3/2018 và 27/4/2018, chị Q vẫn không thanh toán. Như vậy, chị Q đã vi phạm thời hạn 90 ngày không thanh toán (đã vi phạm Điều 2 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), tại phiên tòa Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần SGTТ yêu cầu chị Q phải thanh toán các khoản nợ cụ thể:

- Nợ gốc: 8.202.800đồng (tám triệu hai trăm lẻ hai ngàn tám trăm đồng).
- Lãi quá hạn: 11.053.812đồng (mười một triệu không trăm năm mươi ba ngàn tám trăm mười hai đồng).
- Tổng cộng: 19.256.612đồng (mười chín triệu hai trăm năm mươi sáu ngàn sáu trăm mười hai đồng).

Đối với chị Trần Thị Q, sau khi Tòa án thụ lý vụ án, trong quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng và đều tổng đạt hợp lệ cho chị Q, mặc dù chị Q vẫn sinh sống tại địa phương. Điều này nhận thấy, chị Q đã biết được yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng chị Q vẫn cố tình không đến tòa làm việc, tham dự phiên tòa mà không có lý do chính đáng, vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, do nguyên đơn cung cấp, qua thủ tục tranh tụng tại phiên tòa để tiến hành xét xử vụ án.

Đã có đủ cơ sở xác định “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 27/7/2017, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân

hàng” (gọi tắt là hợp đồng), được ký kết giữa Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần SGTТ và chị Trần Thị Q là có thật, trong quá trình thực hiện hợp đồng chị Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc và lãi cho ngân hàng theo thoả thuận trong hợp đồng.

Từ những phân tích như đã nêu trên xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần SGTТ buộc chị Q trả số tiền nợ tổng cộng 19.256.612 đồng (mười chín triệu hai trăm năm mươi sáu ngàn sáu trăm mười hai đồng), là có cơ sở chấp nhận. Chị Q phải chịu tiền lãi đối với số tiền chưa thanh toán kể từ ngày 05/6/2021 cho đến khi thanh toán xong cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần SGTТ theo thoả thuận trong hợp đồng.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần SGTТ về việc buộc chị Q phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần SGTТ, nên áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị Q phải chịu 962.800 đồng (chín trăm sáu mươi hai ngàn tám trăm đồng, đã làm tròn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463; Điều 466; Điều 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần SGTT. Buộc chị Trần Thị Q phải trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần SGTT số tiền 19.256.612 đồng (mười chín triệu hai trăm năm mươi sáu ngàn sáu trăm đồng, đã làm tròn).

Kể từ ngày 05/6/2021, chị Trần Thị Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 27/7/2017, Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng” cho đến khi thi hành án xong.

Về án phí: Chị Trần Thị Q phải chịu 962.800 đồng (chín trăm sáu mươi hai ngàn tám trăm đồng, đã làm tròn) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần SGTT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 367.000 đồng (ba trăm sáu mươi bảy ngàn) theo biên lai số 0005020 ngày 09/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai.
- VKSND huyện Long Thành.
- THADS huyện Long Thành.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hùng Minh Sang